

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

(V/v không công nhận quan hệ là vợ chồng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đinh Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Hạnh.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2020/TLST–HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc “*Không công nhận quan hệ là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn A, xã Hòa P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Quang Đ, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn S, xã Cư B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày có nội dung:

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Trương Quang Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn từ những lý do nhỏ nhất trong cuộc sống, từ đó dẫn đến chị Q và anh Đ thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, chị Q và anh Đ đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Quá trình chung sống chị Q và anh Đ có 01 con chung là Trương Gia H, sinh ngày 15/8/2007, chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Quỳnh không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Quỳnh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Quang Đ trình bày có nội dung: Anh Trương Quang Đ và chị Nguyễn Thị Như Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, từ đó dẫn đến chị Q và anh Đ thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, anh Đ và chị Q đã không sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị Q đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng, anh Đ chấp nhận yêu cầu của chị Q.

Quá trình chung sống anh Đ và chị Q có 01 con chung tên là Trương Gia H, sinh ngày 15/8/2007, anh Đ có nguyện vọng giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Như Q có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Trương Quang Đ là vợ chồng. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Quang Đ tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, Anh Trương Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy rằng: Chị Q và anh Đ tự nguyện cùng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng sống không hạnh phúc. Nay chị Q yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đ là vợ

chồng là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Q và anh Đ có 01 con chung tên là Trương Gia H, sinh ngày 15/8/2007, chị Q và anh Đ có nguyện vọng giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) phù hợp với Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị Q và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Như Q và anh Trương Quang Đ là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Trương Gia H, sinh ngày 15/8/2007 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến đủ tuổi thành niên (Trên 18 tuổi). Anh Trương Quang Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Q và anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/20019/0015630 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Hoà Phú, Cư Bao;
- THA DS thị xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

**HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Đinh Thị Hường

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

CHỦ TOẠ PHIÊN

Đinh Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Cư Bao;
- THA DS thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hương

